

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 7 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi  
Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số  
70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc  
hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn  
ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của  
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số  
70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số  
điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của  
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân  
bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về  
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa  
phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra  
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại  
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu  
chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai  
đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ tại Nghị quyết này là căn cứ để các cấp ngân sách lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2026-2030; đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình lập kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

### **Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030**

1. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030:

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm của tỉnh, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 5 năm và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng; bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công.

đ) Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công.

e) Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường bộ cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, dự

án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, lũ lụt, hạn hán, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

g) Bố trí vốn hợp lý cho các ngành, lĩnh vực do sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh quản lý và cấp xã; bảo đảm tỷ lệ cân đối vốn đầu tư cho giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết của Quốc hội; tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, đồng thời góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, địa phương trong tỉnh.

h) Chủ động bố trí các khoản tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách để bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, ưu tiên bố trí thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, phần còn lại bố trí cho các dự án dở dang và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh theo quy định.

i) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí.

k) Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện như sau:

- Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;
- Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;
- Hoàn trả vốn ứng trước;
- Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng;
- Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;
- Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;
- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn

bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

- Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 cho cấp xã:

- a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công;

- b) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc tạo động lực phát triển kinh tế các xã, phường có số thu ngân sách lớn với việc ưu tiên hỗ trợ vùng biên giới, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các xã, phường.

- c) Ưu tiên bố trí vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp xã để đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án giao thông nông thôn trên địa bàn; đối ứng thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- d) Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp xã hằng năm phải phù hợp với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 3. Định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030**

1. Nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương):

1.1. Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức được Thủ tướng Chính phủ giao còn lại sau khi đã bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ, dự án mà tỉnh đã cam kết, như: thanh toán các khoản tỉnh đã cam kết bố trí vốn với Trung ương, đối ứng dự án ODA đã ký hiệp định, trả nợ gốc, lãi vay, vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương; hỗ trợ Đề án giao thông nông thôn, ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính và các chương trình, đề án khác; đối ứng

chương trình mục tiêu quốc gia; bố trí thanh toán nợ khối lượng giai đoạn 2026-2030... được thực hiện như sau:

- a) Dành tối đa 30% kế hoạch vốn còn lại phân cấp cho cấp xã quản lý;
- b) 70% kế hoạch vốn còn lại do cấp tỉnh quản lý.

1.2. Vốn cân đối ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý hoặc do cấp xã quản lý thực hiện phân bổ cho các ngành, lĩnh vực, chương trình dự án phải tuân thủ quy định pháp luật, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Đối với nguồn vốn do cấp xã quản lý phải bố trí tối thiểu 30% tổng số vốn phân cấp để thực hiện Đề án giao thông nông thôn.

## **2. Nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất:**

Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chỉ giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

## **Điều 4. Tiêu chí và mức vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho cấp xã**

### **1. Tiêu chí phân bổ vốn:**

- a) Tiêu chí về dân số, gồm 01 tiêu chí: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số.
- b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết).
- c) Tiêu chí về diện tích, gồm 02 tiêu chí: Diện tích đất tự nhiên; diện tích đất trồng lúa và tỷ lệ che phủ rừng.
- d) Tiêu chí về đơn vị hành chính, gồm 01 tiêu chí: xã biên giới.
- đ) Các tiêu chí bổ sung, gồm 02 tiêu chí: xã an toàn khu (ATK); xã đặc biệt khó khăn.

### **2. Xác định điểm của từng tiêu chí cụ thể và phương pháp tính mức vốn phân bổ cho các xã, phường:**

Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này tính ra số điểm của từng xã, phường và tổng số điểm các xã, phường để làm căn cứ phân bổ vốn đầu tư trong cân đối theo các công thức tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

- 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.
- 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này áp dụng để phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho giai đoạn 2026 - 2030.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.*

**CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thị Hậu**

**Phụ lục: Phương án xác định điểm của tiêu chí, điểm của từng xã và mức vốn phân bổ vốn giai đoạn 2026-2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/2026//NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

| T<br>T | Xác định điểm của từng tiêu chí                                               |      |                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phương pháp tính điểm của từng xã và mức vốn phân bổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        | Tiêu chí                                                                      | Điểm | Căn cứ xác định điểm                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1      | 2                                                                             | 3    | 4                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1      | Tiêu chí dân số (Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số)              |      |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|        | Dân số dưới 8.000 người được tính                                             | 4    | Dân số trung bình để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu điều tra, dữ liệu hành chính được Thống kê tỉnh tổng hợp.<br><br>Căn cứ xác định số liệu: Theo kết quả điều tra dân số năm 2025 do Thống kê tỉnh tổng hợp.                                        | - Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của xã thứ i là $A_i$<br>- Gọi số điểm của dân số trung bình xã thứ i là $h_i$<br>- Gọi số điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số xã thứ i là $k_i$<br><b>Điểm của tiêu chí dân số xã thứ i là: <math>A_i = h_i + k_i</math></b>                                                                                        |
|        | Từ 8.000 người đến dưới 20.000 người, cứ tăng thêm 4.000 người được cộng thêm | 1    |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|        | Từ 20.000 người trở lên, cứ tăng thêm 4.000 người được cộng thêm              | 0,5  |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|        | Cứ 3.000 người dân tộc thiểu số được cộng thêm                                | 0,5  |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 2      | Tiêu chí về trình độ phát triển                                               |      |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| a      | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều                                                       |      | Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu ở kỳ gần với năm xây dựng dự toán nhất do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Lạng Sơn.<br><br>Căn cứ xác định số liệu: Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày | - Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của xã thứ i là $B_i$<br>- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xã thứ i là $n_i$<br>- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (Không bao gồm số thu về đất, xổ số kiến thiết) xã thứ i là $m_i$ ;<br><b>Điểm của tiêu chí trình độ phát triển xã thứ i là:</b><br><b><math>B_i = n_i + m_i</math></b> |
|        | Dưới 6% hộ nghèo đa chiều được tính                                           | 2    |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|        | Từ trên 6% hộ nghèo đa chiều trở lên, cứ tăng thêm 1% được cộng thêm          | 0,1  |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| T<br>T | Xác định điểm của từng tiêu chí                                                             |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phương pháp tính điểm của từng xã và mức vốn phân bổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        | Tiêu chí                                                                                    | Điểm | Căn cứ xác định điểm                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1      | 2                                                                                           | 3    | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|        |                                                                                             |      | 15/01/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| b      | Thu ngân sách trên địa bàn (Thu nội địa không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết) |      | Số thu ngân sách để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước ở kỳ gần với năm xây dựng dự toán nhất do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.<br><br>Căn cứ xác định số liệu: Dự toán ngân sách năm 2026 được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|        | Thu dưới 02 tỷ đồng được tính                                                               | 2    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|        | Thu từ 02 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng, cứ 02 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm               | 0,5  |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|        | Thu từ 10 tỷ đồng trở lên, cứ 15 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm                           | 0,5  |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3      | Tiêu chí về diện tích                                                                       |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| a      | Diện tích đất tự nhiên                                                                      |      | Diện tích đất tự nhiên để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu điều tra, dữ liệu hành chính được Thống kê tỉnh tổng hợp.                                                                                                                                                           | <div>- Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của xã thứ i là <math>C_i</math>;</div> <div>- Gọi số điểm diện tích tự nhiên là <math>o_i</math></div> <div>- Gọi số điểm diện tích đất trồng lúa là <math>r_i</math></div> <div>- Gọi số điểm tỷ lệ che phủ rừng là <math>k_i</math></div> <div>Điểm của tiêu chí diện tích xã thứ i là:</div> <div><math>C_i = o_i + r_i + k_i</math></div> |
|        | Dưới 120 km <sup>2</sup> được tính                                                          | 4    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|        | Từ 120 km <sup>2</sup> trở lên, cứ 30 km <sup>2</sup> tăng thêm được cộng thêm              | 0,5  |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| b      | Diện tích đất trồng lúa                                                                     |      | Diện tích đất trồng lúa để tính                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| T<br>T | Xác định điểm của từng tiêu chí                     |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phương pháp tính điểm của từng xã và mức vốn phân bổ         |
|--------|-----------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
|        | Tiêu chí                                            | Điểm | Căn cứ xác định điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                              |
| 1      | 2                                                   | 3    | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5                                                            |
|        | Diện tích dưới 600ha được tính                      | 2    | toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu điều tra, dữ liệu hành chính được Thống kê tỉnh tổng hợp.<br><br>Căn cứ xác định số liệu: Theo kết quả điều tra diện tích đất trồng lúa năm 2025 do Thống kê tỉnh tổng hợp.                                                                                                     |                                                              |
|        | Từ 600ha trở lên, cứ 150ha tăng thêm được cộng thêm | 1    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
| c      | Tỷ lệ che phủ rừng                                  |      | Tỷ lệ che phủ rừng để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn ở kỳ gần với năm xây dựng dự toán nhất do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.<br><br>Căn cứ xác định số liệu: Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND tỉnh công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn năm 2025. |                                                              |
|        | Tỷ lệ che phủ rừng dưới 60%                         | 1    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
|        | Tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên                   | 2    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
| 4      | Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã                   |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
|        | Tiêu chí xã biên giới                               |      | Xã biên giới xác định dựa trên số                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã vùng cao |

| T<br>T   | Xác định điểm của từng tiêu chí      |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phương pháp tính điểm của từng xã và mức vốn phân bổ                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------|--------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | Tiêu chí                             | Điểm | Căn cứ xác định điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1        | 2                                    | 3    | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|          | Là xã biên giới được tính            | 2    | liệu của cơ quan có thẩm quyền công nhận đang có hiệu lực tại thời điểm xây dựng kế hoạch.<br>Căn cứ xác định số liệu: Danh sách công bố tại Phụ lục I kèm theo Nghị định 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia                   | xã thứ i là $t_i$ .<br><b>Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã thứ i là <math>D_i</math>:</b><br><b><math>D_i = t_i</math></b>                                                                                                                                                                                                    |
| <b>5</b> | <b>Tiêu chí bổ sung</b>              |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| a        | <i>Tiêu chí xã ATK</i>               |      | Xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Bộ Nội vụ.<br>Căn cứ xác định số liệu: Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh công nhận các xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi số điểm của tiêu chí xã ATK xã thứ i là <math>E_i</math></li> <li>- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn xã thứ i là <math>F_i</math>.</li> </ul> <b>Tổng số điểm của tiêu chí bổ sung xã thứ i là <math>L_i</math>:</b><br><b><math>L_i = E_i + F_i</math></b> |
|          | Là xã ATK được tính                  | 1    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| b        | <i>Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn</i> |      | Xã đặc biệt khó khăn xác định                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| T<br>T | Xác định điểm của từng tiêu chí   |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Phương pháp tính điểm của từng xã và mức vốn phân bổ                                                                                                                                                                                            |
|--------|-----------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        | Tiêu chí                          | Điểm | Căn cứ xác định điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1      | 2                                 | 3    | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5                                                                                                                                                                                                                                               |
|        | Là xã đặc biệt khó khăn được tính | 2    | dựa trên số liệu của cơ quan có thẩm quyền công nhận đang có hiệu lực tại thời điểm xây dựng kế hoạch.<br><br>Căn cứ xác định số liệu: Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo Công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 đợt 2 |                                                                                                                                                                                                                                                 |
|        |                                   |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p><b>Gọi tổng điểm tiêu chí của xã thứ i là <math>X_i</math>:</b></p> $X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$ <p><b>Tổng số điểm của 65 xã, phường là Y là:</b></p> $Y = \sum X_i$                                                                 |
|        |                                   |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p><b>Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:</b></p> $Z = \frac{K}{Y}$ <p>- K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương phân cho cấp xã quản lý (Không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết).</p> |

| T<br>T | Xác định điểm của từng tiêu chí |      |                      | Phương pháp tính điểm của từng xã và mức vốn phân bổ                                                                                                                                   |
|--------|---------------------------------|------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        | Tiêu chí                        | Điểm | Căn cứ xác định điểm |                                                                                                                                                                                        |
| 1      | 2                               | 3    | 4                    | 5                                                                                                                                                                                      |
|        |                                 |      |                      | - Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư.                                                                                                                                |
|        |                                 |      |                      | <p><b>Tổng số vốn trong cân đối</b> phân cấp cho xã i (<math>V_i</math>) không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết được tính theo công thức:</p> $V_i = Z \times X_i$ |